

Họ tên chồng	Năm sinh chồng	CCCD chồng	Họ tên vợ	Năm sinh vợ	CCCD vợ	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất	Số tờ cũ	số tờ mới	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Ghi chú	hiện trạng	Quy hoạch	
Sài Văn thời	1969	020669000579	Lai Thị Lan	1971	020171000662	Xóm Bình Chương 1, Thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	18	1281.5	Đất trồng lúa còn lại		Đất trồng lúa nước còn lại	Phù hợp	
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	286	345	17	250.7	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	286	345	19	231.4	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	286	345	20	431.5	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	287	346	1	129.4	Đất bằng trồng cây hằng năm khác				
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	287	346	3	90.9	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Trồng keo 2025	Không	
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	287	346	4	64.4	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Trồng keo 2025	Không	
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	110	512.6	Đất trồng cây lâu năm		Trồng keo 2025 cây ăn quả	Không	
Loan Thị Thu	1975	024175000971				Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	94	180.5	Đất ở tại nông thôn		nhà 2015		
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	107	206.5	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác	không	
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	109	607.1	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	không	
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	299	358	27	251.1	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác			không	
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	299	358	29	212.2	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	san ủi 2013	keo 2026	không	
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	299	358	34	193.9	Đất bằng trồng cây hằng năm khác	san ủi 2013	keo 2026	không	
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	1	600.6	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm		
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	2	31.5	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	3	70.8	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Trần Thị Thanh	1965	020165000546				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	4	159	Đất bằng trồng cây hằng năm khác		Đất bằng trồng cây hằng năm khác		
Hoàng Thị Hưu	1949	020149000190				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	306	365	6	4718.4	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	không	
Nguyễn Thị Thuý	1972	036172008689				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	308	367	33	694.7	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	không	
Nông Thị Lâm	1941	020141000063				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	27	724.2	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	không	
Nguyễn Thị Diên	1973	020173000722				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	105	777.94	Đất ở tại nông thôn		Đất ở tại nông thôn	Phù hợp	
Ninh Thị Diên	1973	020173000722				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	112	830.2	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	không	
Ninh Thị Diên	1973	020173000722				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	54	609.4	Đất trồng lúa còn lại		keo 2025	không	
Ninh Thị Diên	1973	020173000722				Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	30	3980.8	Đất ở tại nông thôn		Thống 2014	Phù hợp	
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	117	78.2	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	118	68.6	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	126	102	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	3	376	Đất trồng cây lâu năm	trồng keo 2024	keo 2024	Phù hợp	
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	81	74.6	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	82	73.1	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	85	36.2	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	86	50.1	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	91	41.6	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	92	97.3	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	93	95.9	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Hiền	1971	024171000789	Hoàng Văn Kỳ	1969	020069000575	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	309	368	94	314.9	Đất trồng cây lâu năm		đón thừa trồng keo 2025	keo 2025	Phù hợp
Hoàng Thị Trang	1985	020185001179	Phạm Văn Hải	1977	020077000711	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	71	766.7	Đất ở tại nông thôn				
Hoàng Thị Trang	1985	020185001179	Phạm Văn Hải	1977	020077000711	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	77	2243.3	Đất trồng cây lâu năm				
Hoàng Thị Trang	1985	020185001179	Phạm Văn Hải	1977	020077000711	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	305	364	78	958.2	Đất trồng cây lâu năm				
Hoàng Thị Trang	1985	020185001179	Phạm Văn Hải	1977	020077000711	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	311	370	11	259.9	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Thị Trang	1985	020185001179	Phạm Văn Hải	1977	020077000711	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	311	370	25	279.6	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	1	321.9	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	10	64.2	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	11	267.9	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	4	500.3	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	5	298.7	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	7	920.2	Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	265	324	9	162.9	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	1	236	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	10	73.5	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	11	89.7	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	2	1102.3	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	3	118.9	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	4	151.6	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	5	92.3	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	6	93.6	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	7	111.5	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	8	82.6	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	275	334	9	91.4	Đất trồng lúa còn lại				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	43	429.7	Đất trồng cây lâu năm				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	51	1732.7	Đất trồng cây lâu năm				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	53	983.8	Đất bằng trồng cây hằng năm khác				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	65	632.5	Đất trồng cây lâu năm				
Hoàng Văn Pử	1945	020045000098	Chu Thị Văn	1959	020159000488	Xóm Pô Tầu, thôn Bình	Xóm Pô Tầu, thôn Bình Chương	298	357	70	515.6	Đất trồng cây lâu năm				